

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I MÔN ĐỊA LÍ 10
NĂM HỌC 2024- 2025

A. NỘI DUNG

Bài 2: Phương pháp biểu hiện các đối tượng Địa lí trên bản đồ.

Phương pháp biểu hiện	Đối tượng biểu hiện	Cách thức biểu hiện	Khả năng biểu hiện
PP kí hiệu	<i>Các đối tượng phân bố cụ thể theo những điểm cụ thể</i>	<i>Dùng kí hiệu (hình học, chữ, hình tượng) đặt tại vị trí đối tượng với màu sắc, kích thước khác nhau.</i>	<i>Chất lượng, số lượng, cấu trúc, sự phát triển của đối tượng.</i>
PP kí hiệu đường chuyển động	<i>Sự di chuyển của đối tượng</i>	<i>Dùng mũi tên để biểu hiện thông qua độ dài ngắn, dày, mảnh, ...</i>	<i>Hướng di chuyển, số lượng, chất lượng, tốc độ di chuyển</i>
PP chấm điểm	<i>Sự phân bố của dân cư, các điểm công nghiệp, ...</i>	<i>Dùng các điểm chấm để biểu hiện</i>	<i>Số lượng được quy ước bởi giá trị của mỗi chấm</i>
PP bản đồ - biểu đồ	<i>Cấu trúc của các đối tượng</i>	<i>Dùng biểu đồ đặt tại vị trí của đối tượng cần mô tả</i>	<i>Số lượng, chất lượng và giá trị của đối tượng</i>
PP khoanh vùng	<i>Các đối tượng có quy mô lớn, phân bố theo vùng nhất định</i>	<i>Đường nét liền, đường fnets đứt, kí hiệu chữ, màu sắc, ...</i>	<i>Ranh giới, qui mô phân bố của đối tượng</i>

Bài 3. Sử dụng bản đồ trong học tập và đời sống, một số ứng dụng của GPS và bản đồ số trong đời sống.

a. Sử dụng bản đồ trong học tập và đời sống

- Xác định rõ nội dung, yêu cầu của việc đọc bản đồ.
- Chọn bản đồ phù hợp với nội dung cần tìm hiểu.
- Hiểu được các yếu tố cơ bản của bản đồ như: tỉ lệ bản đồ, kí hiệu bản đồ, phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ, ...
- Tìm hiểu kĩ bảng chú giải của bản đồ
- Xác định mối quan hệ giữa các đối tượng địa lí trên bản đồ.

- Khi đọc bản đồ để giải thích một hiện tượng địa lí nào đó cần phải đọc các bản đồ có nội dung liên quan để phân tích, so sánh và rút ra nhận định cần thiết.

b. Một số ứng dụng của GPS và bản đồ số trong đời sống.

- GPS hay hệ thống định vị toàn cầu là hệ thống xác định vị trí của bất kỳ đối tượng nào trên bề mặt trái đất thông qua hệ thống vệ tinh.

- Bản đồ số truyền tải, giám sát các tính năng của GPS.

GPS và bản đồ số dùng để dẫn đường, quản lí và điều hành sự di chuyển của các đối tượng có gắn thiết bị định vị với các chức năng như xác định điểm cần đến, quãng đường di chuyển, tính km đã di chuyển và cước phí cho xe buýt, xe taxi, xe công nghệ, ... chống trộm cho các phương tiện, ứng dụng rộng rãi trong giao thông, đo đạc khảo sát, nông nghiệp, quân sự, khí tượng, ...

Bài 4. Sự hình thành Trái Đất, vỏ Trái Đất và vật liệu cấu tạo nên vỏ Trái Đất.

a. Nguồn gốc hình thành Trái Đất

- Mặt Trời khi hình thành di chuyển trong dải Ngân Hà giữa các đám mây bụi và khí.

- Do lực hấp dẫn của bản thân, các đám khí và bụi chuyển động quanh MT theo quỹ đạo elip dần ngưng tụ thành các hành tinh, trong đó có Trái Đất của chúng ta.

- Trái Đất được phân thành nhiều lớp từ thời kỳ hoàn thiện đầu tiên do sự tăng nhiệt làm nóng chảy các vật chất ở bên trong.

b. Đặc điểm của vỏ Trái Đất và vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất.

Cấu trúc của vỏ Trái Đất	Vỏ lục địa	Vỏ đại dương
Độ dày	70 km	5-10 km
Thành phần	Lớp đá ba-dan, đá granite và đá trầm tích	Lớp trầm tích và lớp đá ba-dan
Vật liệu cấu tạo	Thành phần	Đặc điểm
Đá mac-ma	Đá granit, đá ba-dan, ...	Hình thành từ khối mac-ma nóng chảy dưới lòng đất trào lên bị nguội và rắn lại
Đá trầm tích	Đá vôi, đá phiến sét,...	Hình thành ở miền đất trũng, do sự lắng tụ và nén chặt của các vật liệu phá hủy từ các loại đá khác nhau.

Đá biến chất	Đá gơnai, đá hoa,...	Hình thành từ mac-ma và trầm tích bị thay đổi tính chất chịu tác động của nhiệt độ và sức nén.
---------------------	----------------------	--

Bài 5. Hệ quả Địa lí các chuyển động của Trái Đất.

I. Hệ quả chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất:

1. Sự luân phiên ngày, đêm

- Trái Đất hình cầu chỉ được chiếu sáng 1 nửa ngày, đêm.
- Trái Đất tự quay quanh trục ngày đêm luân phiên nhau.

2. Giờ trên Trái Đất

a. Giờ địa phương

- TĐ hình cầu + tự quay >> mỗi thời điểm/kinh tuyến khác nhau >> thấy MT ở các độ cao khác nhau.
- Trên mỗi kinh tuyến sẽ có một giờ riêng gọi là giờ địa phương.

b. Giờ múi: Là giờ thống nhất trong từng múi, lấy theo giờ của kinh tuyến giữa múi đó, bề mặt Trái Đất được chia thành 24 múi giờ.

c. Giờ quốc tế (GMT): Là giờ của múi số 0 (lấy theo giờ của kinh tuyến gốc đi qua giữa múi đó – đài thiên văn Greenwich).

d. Đường chuyển ngày quốc tế

- Là kinh tuyến 180^0
- Khi đi qua đường chuyển ngày:
 - + Từ Tây sang Đông LUI 1 ngày lịch.
 - + Từ Đông sang Tây TĂNG 1 ngày lịch.

II. Hệ quả Địa lí do chuyển động quanh Mặt Trời của Trái Đất.

THEO MÙA					
Ngày	Bán cầu	Diện tích được chiếu sáng	Diện tích trong bóng tối	Mùa	Độ dài ngày đêm
22/6	Bắc	Nhiều	Ít	Hạ	Ngày dài hơn đêm
	Nam	Ít	Nhiều	Đông	Ngày ngắn đêm dài
22/12	Bắc	Ít	Nhiều	Đông	Ngày ngắn đêm dài
	Nam	Nhiều	Ít	Hạ	Ngày dài hơn đêm
21/03 và 23/09	Bắc, Nam	Bằng nhau	Bằng nhau		Ngày đêm bằng nhau
THEO Vĩ ĐỘ					
Địa điểm	Độ dài ngày đêm				
Tại xích đạo	Ngày luôn dài bằng đêm = 12 giờ				

Từ xích đạo về cực	Càng xa xích đạo, chênh lệch ngày đêm càng lớn
Từ vòng cực về phía cực	Có hiện tượng ngày hoặc đêm dài 24 giờ
Tại 2 điểm cực Bắc, Nam	6 tháng ngày, 6 tháng đêm.

B. CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA

Phần I. 18 câu hỏi trắc nghiệm 4 lựa chọn.

Phần II. 4 câu chọn Đúng hoặc Sai (mỗi câu 4 yêu cầu).

Phần III. 6 câu tính và điền kết quả: Đọc, xử lí, phân tích số liệu thống kê về Trái Đất, Nhiệt độ không khí.